TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45 /2025/HS-ST
Ngày: 30/7/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Thu Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Hồng Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Ngọc Vương, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 179/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 2002 tại tỉnh Nam Định (nay là tỉnh Ninh Bình); thường trú: Xóm K, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định (nay là Xóm K, xã V, tỉnh Ninh Bình); nơi ở cư trú: Số C N, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là Số C N, khu phố Đ, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1978 và bà Dương Thị H, sinh năm 1982; vợ tên Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 2005 và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1978;

2. Bà Dương Thúy H2, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: Số C N, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là Số C N, khu phố Đ, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh). Ông S và bà H2 đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Nguyễn Thị Kim H1. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 là hai anh em ruột. Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 19/10/2023, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Airblade mang biển số 18B2-776.90 chở T1 đến quán "Học N" trên đường T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh để chơi bida cùng bạn. Đến khoảng 20 giờ 25 phút cùng ngày, T1 mượn xe mô tô biển số 18B2 -776.90 từ bị cáo T để đi uống nước cùng bạn. Mặc dù bị cáo biết T1 chưa có Giấy phép lái xe mô tô nhưng vẫn đồng ý và giao xe mô tô cho T1 sử dụng.

Sau khi nhận được xe mô tô, Nguyễn Văn T1 điều khiển xe mô tô lưu thông ra đường ĐT743A, thuộc phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) hướng từ Quốc lộ A về Trạm thu phí B, khi đến gần khu dân cư P thuộc khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố N, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh), do điều khiển xe mô tô lấn sang làn đường bên trái của chiều đi ngược lại nên T1 va chạm với xe mô tô biển số 52U7-0763 do Bùi Đức H3 điều khiển chở Võ Văn P ngồi phía sau dẫn đến hậu quả là: Bùi Đức H3 bị thương nặng và tử vong vào ngày 21/10/2023, Nguyễn Văn T1 bị thương tích nặng, Võ Văn P bị thương phần mềm đầu gối trái (thương tích ít nghiêm trọng), 02 (Hai) xe mô tô bị hư hỏng.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 21/10/2023, thể hiện: Vụ tai nạn xảy ra vào ban đêm, thời tiết tốt, đường không có đèn công cộng chiếu sáng; Hiện trường xảy ra tại đoạn đường thẳng, thảm nhựa cứng, bằng phẳng, mặt đường khô ráo, không có chướng ngại vật che khuất tầm nhìn. Đường có vạch sơn vàng phân biệt hai phần đường xe chạy, các phương tiện được đi hai chiều theo hướng từ Quốc lộ A về Trạm thu phí B. Mỗi phần đường có hai làn đường xe chạy gồm làn đường xe mô tô và làn đường xe ô tô. Phần đường bên phải có chiều đi từ Quốc lộ A về Trạm thu phí B có làn xe mô tô rộng 2.30 m, làn xe ô tô rộng 3.50m. Phần đường còn lại có làn xe mô tô rộng 2.30 m.

- Ghi nhận vị trí, dấu vết, phương tiện vụ tai nạn:

+ Xe mô tô mang biển số 52U- 70763 (ký hiệu 1) sau tai nạn bị ngã đổ bên phải đường ĐT743A, đầu xe hướng về Ngã ba S Ồ, đuôi xe hướng về Trạm thu phí B. Trục bánh trước cách mép lề đường chuẩn là 1.50 m, trục bánh xe sau cách mép lề chuẩn là 1.80 m, cách trụ điện đường số 30 là 3.60 m.

+ Chiếc dép (ký hiệu 2) sau tai nạn để lại trên mặt đường ĐT743A, cách vào mép chuẩn là 2,40 m, cách trục bánh sau xe mô tô mang biển số 52U- 70763 là 1.00 m;

+ Xe mô tô mang biến số 18B2-476.90 (ký hiệu 3) sau tại nạn ngã đổ sang phải trên mặt đường ĐT743A. Đầu xe hướng về hướng đi Ngã ba S Ồ, đuôi xe hướng về Trạm thu phí B1. Trục bánh xe trước cách mép lẻ chuẩn là 5.70 m. Tru bánh xe sau cách mép lề chuẩn là 4.70 m, cách trục bánh xe sau xe mô tô, biển số 52U - 70763 là 3.40 m.

+ Mũ bảo hiểm (ký hiệu 4) để lại trên mặt đường ĐT 743A sau tai nạn, cách mép là chuẩn là 4.80 m, cách trục bánh trước xe mô tô mang biển số 18B2-476 90 là 2.40 m.

+ Vết máu (ký hiệu 5) để lại tại hiện trường sau tai nạn, cách mép chuẩn là 4.30 m, cách mũ bảo hiểm (4) là 0.50 m;

+ Chiếc dép (ký hiệu 6) để lại trên mặt đường sau tai nạn, cách mép lề chuẩn là 4.80 m, cách vị trí vết máu (5) là 1.10 m.

1/ Kết luận giám định pháp y tử thi số 842 ngày 23/10/2023 của Phòng K Công an tỉnh B, xác định: Tử thi Bùi Đức H3 có các dấu hiệu chính qua giám định gồm: Bầm tụ máu dưới da cơ vùng đầu, ngực, tụ máu dưới màng cứng. xuất huyết não; thân não; dập hai phổi, tim, gãy xương cánh tay phải, xương đùi trái. Nguyên nhân chết: Đa chấn thương.

Hồ sơ Bệnh án của nạn nhân Bùi Đức H3 tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh B thể hiện, kết quả xét nghiệm trong máu không có chứa cồn.

2/ Kết luận giám định cơ học số 842 ngày 10/11/2023 của Phòng K Công an tỉnh B, xác định:

* Dấu vết trên hai phương tiện xe mô tô, biển số 52U7-0763 và xe mô tô, biển số 18B2-476.90.

- Các dấu vết trượt xước, bám dính màng màu đen (dạng cao su) ở mặt ngoài phuộc trái bánh trước, cụm phanh bánh trước, trượt xước bám dính kim loại ở đầu trái trục bánh trước xe mô tô, biển số 52U7-0763 có chiều từ trước về sau (ảnh 3.5) phù hợp với các dấu vết trượt xước cao su ở mặt trái lớp bánh trước, trượt xước kim loại cạnh trái vành bánh trước xe mô tô, biển số 18B2- 476.90 có chiều từ mặt lăn vào vành, ngược chiều quay tiến bánh xe (ảnh 4.6).

- Các dấu vết trượt xước sơn màu trắng, bám dính chất màu đen (dạng sơn), vỡ khuyết ốp nhựa mặt nạ trước, đèn trước, bừng chắn gió bên trái xe mô tô biển số 52U7-0763 có chiều từ trước về sau (ảnh 7) phù hợp với các dấu vết trượt xước sơn màu đen, vỡ khuyết ốp nhựa mặt nạ trước, đèn trước, bừng chắn gió bên trái xe mô tô, biển số 18B2-476.90 có chiều từ trước về sau (ảnh 8).

- Các dấu vết trượt xước cao su ở cạnh trái lốp bánh trước, khuyết kim loại cạnh trái vành bánh trước chiều từ mặt lăn vào vành, ngược chiều quay tiến bánh xe gãy rời cổ xe mô tô biển số 52U7-0763, chiều từ trước về sau (ảnh 7.9) phù hợp với dấu vết trượt xước sơn màu đen, vỡ khuyết ốp nhựa và biến dạng khung kim loại bệ để chân trước bên trái xe mô tô, biển số 18B2-476.90 có chiều từ trước về sau (ảnh 10).

* Cơ chế hình thành dấu vết va chạm giữa hai phương tiện là: Mặt bên trái đầu xe mô tô biển số 52U7-0763 va chạm với mặt bên trái đầu xe mô tô biển số 18B2- 476.90 (như mục 1 phần V) làm cho hai xe mô tô đổ ngã va chạm với mặt đường tạo nên dấu vết trên hai phương tiện.

* Vị trí va chạm giữa hai phương tiện chiếu xuống mặt đường là: Khu vực mảnh mù vỡ trên mặt đường kí hiệu số (7), thuộc phần đường bên phải đường ĐT 743A, theo hướng từ trạm thu phí B về Ngã ba S, như trên sơ đồ hiện trường.

- Vật chứng thu giữ:

+ 01 (Một) xe mô tô, biển số 18B2-476.90.

+ 01 (Một) xe mô tô, biển số 52U7-0763.

Đối với hành vi của bà Dương Thúy H2 (mẹ bị cáo T) là chủ sở hữu xe mô tô biển số 18B2-476.90 biết Nguyễn Văn T không có giấy phép lái xe mô tô nhưng vẫn để T điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Văn T1 đi chơi. Quá trình điều tra xác định, bà H2 chỉ giao xe mô tô cho T không giao xe mô tô cho T1 việc T1 điều khiển xe mô tô gây hậu quả nghiêm trọng bà H2 không biết. Do đó, hành vi của bà H2 không đủ căn cứ xử lý hình sự. Ngày 21/5/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B bàn giao hồ sơ cho Phòng C Công an tỉnh B để xử phạt hành chính đối với hành vi của bà H2.

Đối với Nguyễn Văn T1, sinh ngày 07/11/2006 có hành vi điều khiển xe mô tô đi không đúng phần đường quy định gây hậu quả nghiêm trọng. Tuy nhiên, sau tai nạn Nguyễn Văn T1 bị tổn thương ổ của não, máu tụ ngoài màng cứng đỉnh trái, xuất huyết dưới nhện, gãy xương ngón chân (gãy kín nên đốt gần ngón I chân trái), hiện nay tinh thần không ổn định, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiến hành Trưng cầu giám định tâm thần đối với T1 tại P2 tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai theo Quyết định Trưng cầu giám định số 710 ngày 07/02/2024, hiện chưa có kết quả, tiếp tục điều tra xử lý sau.

Đối với Võ Văn P sau tai nạn bị thương tích "Bong mảnh xương vùng mâm chày" gối trái nhưng đã điều trị xong và không có yêu cầu gì thêm.

Quá trình điều tra bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về các các Kết luận giám định và biên bản khám nghiệm hiện trường nêu trên.

Cáo trạng số: 202/CT-VKS-DA ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 Điều 264 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 264; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

* Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) xe mô tô, biển số 18B2-476.90, quá trình điều tra xác định bà Dương Thị H là chủ sở hữu hợp pháp. Bà H đồng ý nhận xe và không có yêu cầu gì thêm; đối với xe mô tô, biển số 52U7-0763, qua xác minh do bà Võ Thị N1 là chủ sở hữu, ông Nguyễn Văn P1 khai mua lại của một người quen nhưng P1 đã làm mất nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiếp tục xác minh xử lý sau.

* Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn S và bà Dương Thúy H2 đã bồi thường cho gia đình Bùi Đức H3 số tiền 20.000.000 đồng, không có yêu cầu gì thêm nên trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

Tại phiên toà, bị cáo và người tham gia tố tụng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng cùng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị cáo và tất cả đương sự nói trên.

[2] Căn cứ lời khai của các bị cáo, người tham gia tố tụng, các kết luận giám đinh, biên bản khám nghiệm hiện trường và chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định: Khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 19/10/2023, bị cáo Nguyễn Văn T là anh trai của Nguyễn Văn T1, biết T1 chưa có giấy phép lái xe theo quy định nhưng vẫn giao xe mô tô biển số 18B2-476.90 cho T1 điều khiển lưu thông không đúng phần đường quy định, gây tai nạn giao thông với xe mô tô biển số 52U7- 0763 do Bùi Đức H3 điều khiển chở Võ Văn P ngồi phía sau dẫn đến hậu quả nghiêm trọng là Bùi Đức H3 tử vong. Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 Điều 264 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025. Vì vậy, Cáo trạng số: 202/CT-VKS-DA ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh) và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 264 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo T hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Tội phạm do bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng, hành vi giao xe mô tô cho Nguyễn Văn T1 điều khiển, dù biết T1 không có giấy phép lái xe theo quy định, dẫn đến hậu quả nghiêm trọng của bị cáo là nguy hiểm, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe và tính mạng con người được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[6] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt thể hiện bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự và người lao động.

[7] Về hình phạt:

- Về hình phạt chính: Xét bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, nơi làm việc ổn định, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, hơn nữa trong thời gian tại ngoại bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 264 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) *"Người phạm tội còn có thể phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng"*. Tuy nhiên, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là

hình phạt chính đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) xe mô tô, biển số 18B2-476.90, quá trình điều tra xác định bà Dương Thị H là chủ sở hữu hợp pháp. Bà H đồng ý nhận xe và không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét; đối với xe mô tô, biển số 52U7-0763, qua xác minh do bà Võ Thị N1 là chủ sở hữu và được Nguyễn Văn P1 mua lại của một người quen nhưng P1 đã làm mất giấy tờ mua bán xe nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H) tiếp tục xác minh xử lý sau là đúng quy định.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn S và bà Dương Thúy H2 đã bồi thường cho gia đình Bùi Đức H3 số tiền 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, Bùi Đức H3 là bị hại trong vụ án hình sự tại Quyết định khởi tố tụ án hình sự số: 63/QĐ-ĐTTH ngày 28/02/2024 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[10] Đối với hành vi của bà Dương Thúy H2 là chủ sở hữu xe mô tô biển số 18B2-476.90, biết bị cáo Nguyễn Văn T không có giấy phép lái xe mô tô nhưng vẫn để T điều khiển xe mô tô. Quá trình điều tra xác định, không đủ căn cứ xử lý hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B bàn giao hồ sơ cho Phòng C Công an tỉnh B để xử phạt hành chính đối với hành vi của bà H2 là đúng quy định.

[11] Đối với Nguyễn Văn T1, sinh ngày 07/11/2006 có hành vi điều khiển xe mô tô đi không đúng phần đường quy định gây hậu quả nghiêm trọng. Tuy nhiên, sau tai nạn Nguyễn Văn T1 hiện nay tinh thần không ổn định, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiến hành Trưng cầu giám định tâm thần đối với T1 tại P2 tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai theo Quyết định Trưng cầu giám định số 710 ngày 07/02/2024, hiện chưa có kết quả và tiếp tục điều tra xử lý sau; đồng thời Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số: 5421/QĐ-ĐTTH ngày 28/10/2024 là đúng quy định.

[12] Đối với Võ Văn P sau tai nạn bị thương tích "Bong mảnh xương vùng mâm chày" gối trái nhưng đã điều trị xong và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Ngoài ra, bị cáo T còn có hành vi điều khiển phương tiện giao thông đường bộ (xe mô tô) mà không có giấy phép lái xe mô tô, do đó, cần kiến nghị Cảnh sát giao thông Công an tỉnh B (nay là Cảnh sát giao thông Công an Thành phố H) xử phạt hành chính đối với hành vi này của bị cáo.

[14] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo T, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, xử lý vật chứng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 264; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an Thành phố H nhận được Quyết định thi hành án.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 100 Luật Thi hành án Hình sự.

2. Áp dụng Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Hủy các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 87/2025/HSST-LCĐKNCT ngày 26 tháng 5 năm 2025, 89/2025/HSST-LCĐKNCT ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND KV 16 - TP. Hồ Chí Minh (01);
- Phân trại tạm giam khu vực Dĩ An (01);
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh (03);
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Người tham gia tố tụng (03);
- THA dân sự thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Sở tư pháp thành phố Hồ Chí Minh (01);
- THA hình sự (03);
- UBND xã, phường bị cáo thường trú (01);
- UBND xã, phường (nơi phát hiện tội phạm);
- Lưu: VT, HSVA (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân